TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 – 03 – 2023
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tâm

2. Ông Lê Văn Lil

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Mộng Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà:* Ông Đặng Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 03 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 679/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Bích T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp MT, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh Thái Văn T1, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp MT, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

(*nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Bích T trình bày: Chị và anh Thái Văn T1 xây dựng hôn nhân năm 2006; Vợ chồng chị có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Thái Thị Kiều V, sinh ngày 20/9/2007 và Thái Thị Ái V1, sinh ngày 14/8/2015. Hiện cháu Kiều V và Ái V1 đang ở cùng chị.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, không còn tình cảm với nhau nữa. Anh T1 thường đi chơi, không chịu lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Anh T1 thường xuyên ghen tuông vô cớ và mắn chửi chị; anh T1 đã nhiều lần xin lỗi chị nhưng anh T1 vẫn không sữa đổi. Chị và

anh T1 đã sống ly thân tháng 9/2018 đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Thái Văn T1. Về con chung chị yêu cầu nuôi cháu Thái Thị Kiều V, sinh ngày 20/9/2007 và Thái Thị Ái V1, sinh ngày 14/8/2015; chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh Thái Văn T1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Em Thái Thị Kiều V và Thái Thị Ái V1 trình bày nguyện vọng được sống cùng mẹ là chị Trần Bích T. Đây là ý chí tự nguyện của em Kiều V và Ái V1, không ai ép buộc.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các quyết định nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Bích T đối với anh Thái Văn T1; Tiếp tục giao cháu Thái Thị Kiều V, sinh ngày 20/9/2007 và Thái Thị Ái V1, sinh ngày 14/8/2015 cho chị Trần Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Bích T và anh Thái Văn T1 có địa chỉ thường trú tại ấp Minh Thìn A, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐH. Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Thái Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Bích T và anh Thái Văn T1 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa chị T và anh T1 là tự nguyện và hợp pháp. Chị T xác định hiện nay hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm lẫn nhau và đã không còn yêu thương nhau. Hôn nhân giữa anh T và anh T1 đã xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài nhưng anh T1 và chị T đã không thể hàn gắn được. Thực tế chị Trần Bích T và anh Thái Văn T1 đã sống ly

thân với nhau từ tháng 9/2018 đến nay. Xét thấy đời sống hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Bích T đối với anh Thái Văn T1.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của chị Trần Bích T yêu cầu được nuôi cháu Thái Thị Kiều V, sinh ngày 20/9/2007 và Thái Thị Ái V1, sinh ngày 14/8/2015. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Thái Thị Kiều V và Thái Thị Ái V1 đang sống ổn định cùng chị Trần Bích T; anh Thái Văn T1 không có ý kiến gì về việc này. Đồng thời cháu Thái Thị Kiều V và Thái Thị Ái V1 có nguyện vọng được sống với chị T. Mặc khác, để không làm xáo trộn cuộc sống cũng như ảnh hưởng đến tâm lý của cháu Kiều Vy và Ái Vy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, tiếp tục giao cháu Thái Thị Kiều V, sinh ngày 20/9/2007 và Thái Thị Ái V1, sinh ngày 14/8/2015 cho chị Trần Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Thái Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chị Trần Bích T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Bích T xác định không có nợ chung và tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Bích T phải chịu án phí sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[7] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228,Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Bích T đối với anh Thái Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Thái Thị Kiều V, sinh ngày 20/9/2007 và Thái Thị Ái V1, sinh ngày 14/8/2015 cho chị Trần Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Thái Văn T1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Trần Bích T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Trần Bích T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Chị T đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009795 ngày 29/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH được chuyển thu án phí.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Ghết

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND xã AP;
- Lưu: HS; VT-TA.